

Ngày 22 tháng 2 năm 2016

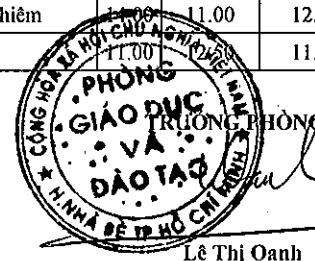
DANH SÁCH HỌC SINH GIỎI KHỐI 9 CẤP HUYỆN ĐƯỢC CHỌN DỰ THI CẤP THÀNH PHỐ

Năm học 2015-2016

BỘ MÔN NGỮ VĂN

STT	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Trường	Điểm			Hạng	GHI CHÚ
			Ngày	Tháng	Năm					L1	L2	ĐTB		
1	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	1	12	2001	TP.HCM	Nữ	9A1	THCS Lê Văn Hưu	12.50	11.50	12.00	3	Thi TP
2	Nguyễn Huỳnh Như	Hào	5	11	2001	TP.HCM	Nữ	9A1	THCS Nguyễn Bình Khiêm	11.50	11.50	11.50	6	Thi TP
3	Huỳnh Ngọc Bảo	Hân	1	5	2001	Tiền Giang	Nữ	9A2	THCS Nguyễn Bình Khiêm	11.50	10.00	10.75	12	Thi TP
4	Hoàng Thị	Huệ	28	1	2000	QUẢNG TRỊ	Nữ	9A4	THCS Lê Văn Hưu	11.50	14.00	12.75	1	Thi TP
5	Nguyễn Khả	Kỳ	16	7	2000	Bến Tre	Nữ	9A3	THCS Lê Văn Hưu	10.50	11.00	10.75	12	Thi TP
6	Nguyễn Thị Phương	Lợi	26	12	2001	TP.HCM	Nữ	9A5	THCS Nguyễn Văn Quỳ	11.00	11.00	11.00	10	Thi TP
7	Lê Thị Tuyết	Minh	17	8	2001	TP.HCM	Nữ	9A3	THCS Lê Văn Hưu	11.00	10.00	10.50	14	Thi TP
8	Phạm Trúc Uyên	Như	16	4	2001	TPHCM	Nữ	9A1	THCS Hiệp Phước	11.50	11.50	11.50	6	Thi TP
9	Trương Võ Hoài	Phong	12	3	2001	TP.HCM	Nam	9A1	THCS Phước Lộc	11.00	11.00	11.00	10	Thi TP
10	Lê Thị	Phương	27	12	2001	Thanh Hóa	Nữ	9A5	THCS Nguyễn Văn Quỳ	11.50	11.00	11.25	9	Thi TP
11	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	2	1	2001	TP.HCM	Nữ	9A5	THCS Nguyễn Văn Quỳ	12.00	12.00	12.00	3	Thi TP
12	Lê Thị	Thu	24	1	2001	Thanh Hóa	Nữ	9A5	THCS Nguyễn Văn Quỳ	11.00	12.00	11.50	6	Thi TP
13	Phạm Thị Ngọc	Thương	19	10	2001	TP.HCM	Nữ	9A5	THCS Nguyễn Văn Quỳ	10.00	11.00	10.50	14	Thi TP
14	Phạm Trần Ngọc	Trâm	10	11	2001	TP.HCM	Nữ	9A1	THCS Nguyễn Bình Khiêm	11.00	11.00	12.50	2	Thi TP
15	Nguyễn Thị Ái	Xuân	26	10	2001	TP. HCM	Nữ	9A1	THCS Hai Bà Trưng	11.00	11.00	11.75	5	Thi TP

Danh sách có 15 học sinh



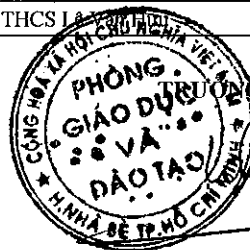
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH GIỎI KHỐI 9 CẤP HUYỆN ĐƯỢC CHỌN DỰ THI CẤP THÀNH PHỐ
Năm học 2015-2016
MÔN LỊCH SỬ

STT	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Trường	Điểm			Hạng	GHI CHÚ
			Ngày	Tháng	Năm					L1	L2	ĐTB		
1	Nguyễn Thị Thúy	An	17	5	2001	TP. HCM	Nữ	9A1	THCS Hiệp Phước	3,00	6,50	4,80	7	Thi TP
2	Nguyễn Thị Hồng	Hoa	22	8	2001	TP. HCM	Nữ	9A3	THCS Lê Văn Hưu	12,25	15,00	13,60	1	Thi TP
3	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	17	5	2001	TP. HCM	Nữ	9A1	THCS Nguyễn Bình Khiêm	2,50	8,25	5,40	6	Thi TP
4	Nguyễn Thị Kim	Thanh	23	1	2001	Long An	Nữ	9A5	THCS Nguyễn Văn Quý	4,00	10,50	7,30	4	Thi TP
5	Nguyễn Đức	Thịnh	28	6	2001	Vĩnh	Nam	9A2	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6,00	11,00	8,50	3	Thi TP
6	Nguyễn Thị Hồng	Thúy	14	2	2001	TP. HCM	Nữ	9A2	THCS Hiệp Phước	5,75	8,75	7,30	4	Thi TP
7	Trần Thị Đoan	Trình	10	5	2001	TP. HCM	Nữ	9A2	THCS Hiệp Phước	2,75	6,75	4,80	7	Thi TP
8	Lý Tường	Vy	8	12	2001	TP. HCM	Nữ	9A2	THCS Hiệp Phước	2,00	6,75	4,40	9	Thi TP
9	Lê Thị Ngọc	Yên	22	5	2000	An Giang	Nữ	9A7	THCS Lê Văn Hưu	6,75	13,50	10,10	2	Thi TP

Danh sách có 9 học sinh



Lê Thị Oanh

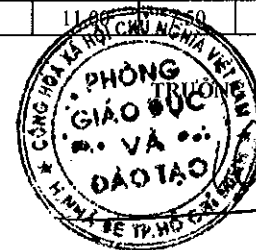
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CHỌN DỰ THI HỌC SINH GIỎI KHỐI 9 CẤP THÀNH PHỐ
Năm học 2015-2016
MÔN ĐỊA LÝ

STT	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Trường	Điểm			Hạng	GHI CHÚ
			Ngày	Tháng	Năm						L1	L2	ĐTB		
1	Trần Công	Danh	5	12	2001	TP. HCM	Nam	Kinh	9A3	THCS Hai Bà Trưng	13.50	8.00	10.80	7	Thi TP
2	Hoàng Ngọc Anh	Duy	24	8	2001	TP. HCM	Nam	Kinh	9A1	THCS Nguyễn Bình Khiêm	10.00	9.25	9.60	10	Thi TP
6	Trần Trung	Hiếu	2	8	2001	Bình Phước	Nam	Kinh	9A6	THCS Hai Bà Trưng	12.00	8.00	10.00	9	Thi TP
7	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	1	9	2001	TP. HCM	Nữ	Kinh	9A1	THCS Lê Văn Hưu	10.25	12.25	11.30	2	Thi TP
8	Lê Thị Mỹ	Linh	19	5	2001	Bình Phước	Nữ	Kinh	9A2	THCS Hiệp Phước	11.50	11.00	11.30	2	Thi TP
9	Trần Mỹ	Linh	24	4	2000	TP. HCM	Nữ	Hoa	9A3	THCS Hai Bà Trưng	10.00	8.75	9.40	11	Thi TP
10	Trần Phan Ngọc	Linh	30	9	2001	TP. HCM	Nữ	Kinh	9A3	THCS Lê Văn Hưu	12.50	9.75	11.10	4	Thi TP
11	Nguyễn Phạm Diễm	Nguyên	17	11	2001	TP. HCM	Nữ	Kinh	9A3	THCS Lê Văn Hưu	10.00	8.00	9.00	13	Thi TP
12	Lê Thị Thu	Phương	25	2	2001	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	9A5	THCS Nguyễn Văn Quý	11.50	10.75	11.10	4	Thi TP
13	Nguyễn Hoàng	Sơn	10	12	2001	TP. HCM	Nam	Kinh	9A5	THCS Nguyễn Văn Quý	12.00	9.75	10.90	6	Thi TP
14	Dương Tiến	Thịnh	29	1	2001	TP. HCM	Nam	Kinh	9A2	THCS Nguyễn Bình Khiêm	10.50	14.25	12.40	1	Thi TP
15	Lê Thị Anh	Thư	5	2	2001	TP. HCM	Nữ	Kinh	9A2	THCS Hiệp Phước	10.00	8.00	9.00	13	Thi TP
16	Phan Ngọc Cẩm	Tiên	31	5	2001	TP. HCM	Nữ	Kinh	9A4	THCS Nguyễn Bình Khiêm	10.00	11.50	10.80	7	Thi TP
17	Đặng Thị Minh	Trâm	28	8	2001	TP. HCM	Nữ	Kinh	9A3	THCS Lê Văn Hưu	11.00	9.50	9.30	12	Thi TP

Danh sách có 14 học sinh. 



Lê Thị Oanh

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 22 tháng 2 năm 2016

DANH SÁCH HỌC SINH GIỎI KHỐI 9 CẤP HUYỆN ĐƯỢC CHỌN DỰ THI CẤP THÀNH PHỐ

Năm học 2015-2016
BỘ MÔN TIẾNG ANH

STT	Họ và lót Tên		Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Trường	Điểm			Hạng	GHI CHÚ
			Ngày	Tháng	Năm					L1	L2	ĐTB		
1	Vũ Thị Phương	Anh	28	10	2001	Thanh Hóa	Nữ	9A2	THCS Nguyễn Bình Khiêm	7.70	10.50	9.10	2	Thi TP
2	Phan Thái	Hiền	11	5	2001	TP. HCM	Nữ	9A3	THCS Nguyễn Bình Khiêm	7.55	8.40	7.98	4	Thi TP
3	Nguyễn Lê Tiến	Phát	15	10	2001	TP. HCM	Nam	9A1	THCS Lê Văn Hưu	9.00	10.70	9.85	1	Thi TP
4	Mai Phúc	Thịnh	7	4	2001	Vũng Tàu	Nam	9A5	THCS Nguyễn Văn Quý	8.10	8.80	8.45	3	Thi TP

Danh sách có 4 học sinh



Lê Thị Oanh

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

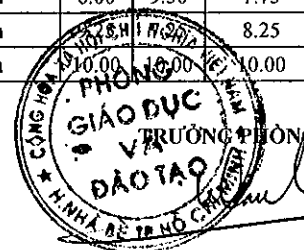
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 22 tháng 2 năm 2016

DANH SÁCH HỌC SINH GIỚI KHỎI 9 CẤP HUYỆN ĐƯỢC CHỌN DỰ THI CẤP THÀNH PHỐ
Năm học 2015-2016
BỘ MÔN TOÁN

STT	Phòng	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Trường	Điểm			Hạng	GHI CHÚ
				Ngày	Thá	Năm					L1	L2	ĐTB		
1	5	Dương Thị Vĩnh	An	14	1	2001	TP.HCM	Nữ	9A1	THCS Nguyễn Bình Khiêm	12.00	13.25	12.63	2	Thi TP
2	5	Nguyễn Ngọc Gia	Bảo	6	2	2001	TP.HCM	Nam	9A5	THCS Nguyễn Văn Quý	13.75	10.25	12.00	3	Thi TP
5	5	Cao Xuân	Hải	18	11	2001	TP.HCM	Nam	9A1	THCS Nguyễn Bình Khiêm	14.50	8.75	11.63	4	Thi TP
6	5	Trần Minh	Hiếu	16	2	2001	TP.HCM	Nam	9A1	THCS Nguyễn Bình Khiêm	10.00	10.25	10.13	6	Thi TP
7	5	Nguyễn Thanh	Hùng	7	4	2001	TP.HCM	Nam	9A1	THCS Nguyễn Bình Khiêm	11.00	7.00	9.00	9	Thi TP
8	5	Phan Tuấn	Khải	29	6	2001	TP.HCM	Nam	9A1	THCS Nguyễn Bình Khiêm	7.25	10.50	8.88	10	Thi TP
9	5	Ngô Gia	Khang	14	1	2001	TP.HCM	Nam	9A1	THCS Nguyễn Bình Khiêm	10.00	8.25	9.13	8	Thi TP
10	5	Trần Kinh	Luân	3	11	2001	TP. HCM	Nam	9A6	THCS Hai Bà Trưng	9.00	7.00	8.00	13	Thi TP
11	5	Đào Bảo	Ngân	21	3	2001	TP.HCM	Nữ	9A1	THCS Nguyễn Bình Khiêm	7.00	10.50	8.75	11	Thi TP
12	5	Phạm Đức	Nghĩa	6	2	2001	TP.HCM	Nam	9A5	THCS Nguyễn Văn Quý	10.75	10.00	10.38	5	Thi TP
14	5	Lê Mai Nguyên	Thảo	11	12	2001	TP.HCM	Nữ	9A1	THCS Nguyễn Bình Khiêm	15.50	13.25	14.38	1	Thi TP
15	5	Võ Ngọc Bảo	Trần	27	8	2001	TP.HCM	Nữ	9A1	THCS Nguyễn Bình Khiêm	6.00	9.50	7.75	14	Thi TP
16	5	Bùi Nguyễn Hoàng	Vân	17	7	2001	TP.HCM	Nữ	9A1	THCS Nguyễn Bình Khiêm	10.00	10.00	8.25	12	Thi TP
19	5	Nguyễn Ngọc Khánh	Vy	30	3	2001	TP.HCM	Nữ	9A1	THCS Nguyễn Bình Khiêm	10.00	10.00	10.00	7	Thi TP

Danh sách có 14 học sinh



Lê Thị Oanh

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 22 tháng 2 năm 2016

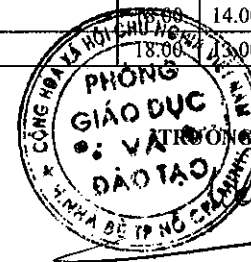
DANH SÁCH HỌC SINH GIỎI KHỐI 9 CẤP HUYỆN ĐƯỢC CHỌN DỰ THI CẤP THÀNH PHỐ

Năm học 2015-2016

MÔN VẬT LÝ

STT	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Trường	Điểm			Hạng	GHI CHÚ
			Ngày	Tháng	Năm					L1	L2	ĐTB		
1	Bùi Minh	Châu	3	6	2001	TPHCM	Nữ	9A3	THCS Nguyễn Bình Khiêm	16.00	18.50	17.25	1	Thi TP
2	Đặng Thị Thúy	Hằng	14	12	2001	Cần Giuộc - Long An	Nữ	9A1	THCS Hiệp Phước	10.25	12.00	11.13	10	Thi TP
3	Phạm Minh	Huy	27	1	2001	Tây Ninh	Nam	9A3	THCS Lê Văn Hưu	17.00	11.50	14.25	7	Thi TP
4	Nguyễn Phước	Hưng	5	3	2001	TPHCM	Nam	9A7	THCS Nguyễn Bình Khiêm	14.75	14.50	14.63	6	Thi TP
5	Vũ Trần Quỳnh	Hương	3	5	2001	TPHCM	Nữ	9A1	THCS Nguyễn Bình Khiêm	11.25	15.50	13.38	9	Thi TP
6	Nguyễn Tuấn	Kiệt	4	3	2001	TPHCM	Nam	9A3	THCS Nguyễn Bình Khiêm	16.00	17.50	16.75	3	Thi TP
7	Hàng Anh	Quốc	26	8	2001	TP. HCM	Nam	9A3	THCS Hai Bà Trưng	8.00	12.00	10.00	12	Thi TP
8	Nguyễn Bảo	Quyên	29	12	2001	TPHCM	Nữ	9A1	THCS Nguyễn Bình Khiêm	7.50	12.50	10.00	12	Thi TP
9	Lê Ngọc	Thảo	15	7	2001	Bình Phước	Nữ	9A5	THCS Nguyễn Văn Quý	17.25	9.75	13.50	8	Thi TP
10	Nguyễn Thị Kim	Thoa	20	6	2001	TPHCM	Nữ	9A4	THCS Lê Văn Hưu	11.25	9.50	10.38	11	Thi TP
11	Trần Thị Ngọc	Trâm	11	12	2001	Đồng Nai	Nữ	9A3	THCS Lê Văn Hưu	18.00	16.00	17.00	2	Thi TP
12	Nguyễn Ngọc Thanh	Tuyền	6	3	2001	TPHCM	Nữ	9A3	THCS Lê Văn Hưu	18.00	14.00	16.00	4	Thi TP
13	Phạm Ngọc Thúy	Vy	16	2	2001	TPHCM	Nữ	9A3	THCS Lê Văn Hưu	18.00	13.00	15.50	5	Thi TP

Danh sách có 13 học sinh



Lê Thị Oanh

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CHỌN DỰ THI HỌC SINH GIỎI KHỐI 9 CẤP THÀNH PHỐ

Năm học 2015-2016

MÔN HÓA HỌC

STT	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Trường	Điểm			Hạng	GHI CHÚ
			Ngày	Tháng	Năm					L1	L2	ĐTB		
1	Huỳnh Thị Mỹ	Duyên	18	11	2001	TP.HCM	Nữ	9A5	THCS Nguyễn Văn Quý	16.50	17.00	16.80	1	Thi TP
2	Tô Bích	Hường	30	6	2001	TP.HCM	Nữ	9A3	THCS Lê Văn Hưu	12.30	11.50	11.90	15	Thi TP
3	Phạm Thị Diễm	My	29	4	2001	Đồng Nai	Nữ	9A3	THCS Lê Văn Hưu	13.30	14.50	13.90	7	Thi TP
4	Trương Thảo	My	6	11	2001	Kiên Giang	Nữ	9A1	THCS Nguyễn Bình Khiêm	11.50	13.25	12.40	11	Thi TP
5	Nguyễn Thị Bích	Nhị	4	5	2001	Cát Minh	Nữ	9A6	THCS Lê Văn Hưu	12.80	11.50	12.20	14	Thi TP
6	Nguyễn Khoa Chon	Như	15	10	2001	Đồng Nai	Nữ	9A4	THCS Nguyễn Bình Khiêm	13.80	14.50	14.20	5	Thi TP
7	Đào Quang Minh	Nhật	19	1	2001	Vĩnh Long	Nam	9A3	THCS Nguyễn Bình Khiêm	14.80	18.50	16.70	2	Thi TP
8	Hồ Nam	Phương	1	4	2001	TP.HCM	Nữ	9A2	THCS Nguyễn Bình Khiêm	12.50	13.25	12.90	9	Thi TP
9	Võ Thị Kim	Thoa	24	3	2001	TP.HCM	Nữ	9A3	THCS Lê Văn Hưu	12.00	17.00	14.50	3	Thi TP
10	Lê Tuấn	Thông	1	1	2001	Bến Tre	Nam	9A2	THCS Hiệp Phước	11.30	13.50	12.40	11	Thi TP
11	Lâm Thị Ngọc	Thủy	24	3	2001	TP.HCM	Nữ	9A5	THCS Nguyễn Văn Quý	11.80	14.00	12.90	9	Thi TP
12	Bùi Minh	Toàn	5	4	2001	TP.HCM	Nam	9A3	THCS Nguyễn Bình Khiêm	14.80	12.50	13.70	8	Thi TP
13	Trần Ngọc	Trâm	10	11	2001	TP.HCM	Nữ	9A1	THCS Nguyễn Bình Khiêm	10.00	18.75	14.40	4	Thi TP
14	Phạm Thành	Tú	13	5	2001	TP.HCM	Nam	9A3	THCS Lê Văn Hưu	13.80	14.50	14.20	5	Thi TP
15	Lê Trần Trường	Vy	3	6	2001	TP.HCM	Nữ	9A1	THCS Nguyễn Bình Khiêm	10.30	14.50	12.40	11	Thi TP

Danh sách có 15 học sinh *nc*



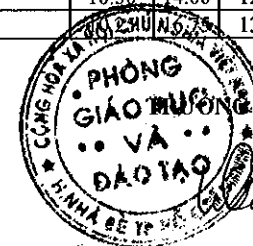
Lê Thị Oanh

Ngày 22 tháng 2 năm 2016

DANH SÁCH HỌC SINH GIỚI KHỐI 9 CẤP HUYỆN ĐƯỢC CHỌN DỰ THI CẤP THÀNH PHỐ
NĂM HỌC 2015-2016
BỘ MÔN SINH HỌC

STT	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Trường	Điểm			Hạng	GHI CHÚ
			Ngày	Tháng	Năm					L1	L2	ĐTB		
1	Nguyễn Hoài	Hận	1	4	2001	TP. HCM	Nam	9A5	THCS Hai Bà Trưng	11.00	15.00	13.00	5	Thi TP
2	Trần Thị Ngọc	Lan	9	9	2001	TP. HCM	Nữ	9A2	THCS Hiệp Phước	10.00	11.50	10.75	15	Thi TP
3	Lâm Song	Lê	10	6	2001	TPHCM	Nữ	9A4	THCS Nguyễn Bình Khiêm	11.75	11.25	11.50	13	Thi TP
4	Lê Thị Thu	Liều	9	3	2001	TP.HCM	Nữ	9A5	THCS Nguyễn Văn Quỳ	10.50	15.25	12.88	8	Thi TP
5	Nguyễn Ngọc	Mai	31	8	2001	BV Hòa Bình	Nữ	9A2	THCS Hiệp Phước	12.75	13.25	13.00	5	Thi TP
6	Đinh Kim	Ngân	19	3	2001	TP.HCM	Nữ	9A5	THCS Nguyễn Văn Quỳ	10.00	16.75	13.38	4	Thi TP
7	Huỳnh Thị Bích	Ngọc	13	4	2001	TPHCM	Nữ	9A1	THCS Lê Văn Hưu	10.00	13.25	11.63	12	Thi TP
8	Nguyễn Ngọc Phương	Nhung	29	12	2001	TPHCM	Nữ	9A1	THCS Lê Văn Hưu	12.25	12.75	12.50	9	Thi TP
9	Võ Lê Hoàng	Phúc	21	2	2000	TP. HCM	Nam	9A2	THCS Hiệp Phước	10.00	14.00	12.00	11	Thi TP
10	Lê Tiến	Thịnh	1	9	2001	Nghệ An	Nam	9A5	THCS Nguyễn Văn Quỳ	13.25	15.00	14.13	1	Thi TP
11	Phạm Minh	Thuận	28	4	2001	TPHCM	Nam	9A1	THCS Lê Văn Hưu	11.00	15.00	13.00	5	Thi TP
12	Trần Thị Thiên Thảo	Trang	5	11	2001	TP. HCM	Nữ	9A1	THCS Hai Bà Trưng	10.00	12.25	11.13	14	Thi TP
13	Phạm Ngọc	Trân	23	7	2001	Đồng Tháp	Nữ	9A2	THCS Hiệp Phước	13.50	14.75	14.13	1	Thi TP
14	Phạm Thị Thanh	Tuyền	12	1	2001	TP. HCM	Nữ	9A1	THCS Hiệp Phước	10.50	14.00	12.25	10	Thi TP
15	Trương Tường	Vy	1	7	2001	TP. HCM	Nữ	9A2	THCS Nguyễn Văn Quỳ	10.50	13.75	13.50	3	Thi TP

Danh sách có 15 học sinh



Lê Thị Oanh

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

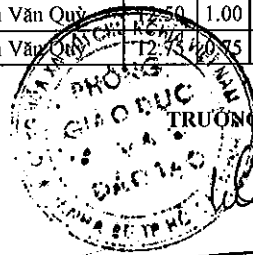
Nhà Bè, ngày 22 tháng 2 năm 2016

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CHỌN DỰ THI HỌC SINH GIỎI KHỐI 9 CẤP THÀNH PHỐ

Năm học 2015-2016
MÔN CÔNG NGHỆ

STT	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Trường	Điểm thi					Hạng	GHI CHÚ
			Ngày	Tháng	Năm					L1	LT	TH	L2	ĐTB		
1	Hồ Minh	Dương	27	1	2001	TP.HCM	Nam	9A5	THCS Nguyễn Văn Quý	11.25	4.50	6.75	11.25	11.30	2	Thi TP
2	Trần Minh	Đang	25	10	2000	Bạc Liêu	Nam	9A5	THCS Nguyễn Văn Quý	11.25	0.25	6.75	7.00	9.10	9	Thi TP
3	Nguyễn Đại Hoàng	Mỹ	24	4	2001	TP.HCM	Nam	9A7	THCS Nguyễn Bình Khiêm	12.50	1.75	7.00	8.75	10.60	3	Thi TP
4	Phạm Hoàng Ngọc	Quân	28	5	2000	TP.HCM	Nam	9A6	THCS Nguyễn Bình Khiêm	14.50	4.25	7.00	11.25	12.90	1	Thi TP
5	Nguyễn Huỳnh	Sơn	20	1	2001	TP.HCM	Nam	9A2	THCS Hiệp Phước	11.75	2.00	6.75	8.75	10.30	4	Thi TP
6	Trương Minh	Tài	24	12	2001	TP.HCM	Nam	9A2	THCS Nguyễn Bình Khiêm	12.75	1.25	6.25	7.50	10.10	5	Thi TP
7	Nguyễn Lê Ngọc	Thảo	14	12	2001	TP.HCM	Nữ	9A1	THCS Phước Lộc	12.25	0.50	5.50	6.00	9.10	9	Thi TP
8	Võ Thanh	Thúy	28	7	2001	TP.HCM	Nữ	9A1	THCS Phước Lộc	12.25	0.25	6.25	6.50	9.40	8	Thi TP
9	Phạm Anh	Thư	23	6	2001	TP.HCM	Nữ	9A5	THCS Nguyễn Văn Quý	12.50	1.00	6.50	7.50	10.00	6	Thi TP
10	Nguyễn Minh	Tiến	28	11	2001	Ninh Bình	Nam	9A5	THCS Nguyễn Văn Quý	12.75	2.75	6.00	6.75	9.80	7	Thi TP

Danh sách có 10 học sinh dự thi



Lê Thị Oanh

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nhà Bè, ngày 22 tháng 2 năm 2016

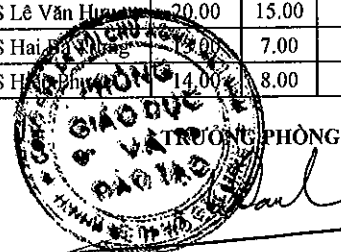
DANH SÁCH HỌC SINH GIỎI KHỐI 9 CẤP HUYỆN ĐƯỢC CHỌN DỰ THI CẤP THÀNH PHỐ

Năm học 2015-2016

BỘ MÔN TIN HỌC

STT	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Trường	Điểm			Hạng	GHI CHÚ
			Ngày	Tháng	Năm					L1	L2	ĐTB		
1	Trần Trung	Hiếu	4	9	2001	Hải Phòng	Nam	9A4	THCS Lê Văn Lương	20.00	15.00	17.50	1	Thi TP
2	Lê Việt	Long	6	1	2001	TP. HCM	Nam	9A4	THCS Hai Bà Trưng	14.00	7.00	10.00	3	Thi TP
3	Phan Khắc	Tường	2	8	2001	Đồng Tháp	Nam	9A2	THCS Hải Phòng	14.00	8.00	11.00	2	Thi TP

Danh sách có 3 học sinh



Lê Thị Oanh

Ngày 22 tháng 2 năm 2016

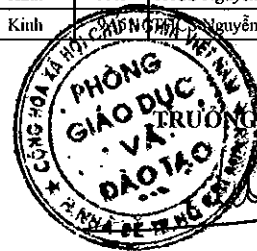
DANH SÁCH HỌC SINH GIỎI KHỐI 9 CẤP HUYỆN ĐƯỢC CHỌN DỰ THI CẤP THÀNH PHỐ

Năm học 2015-2016

MÔN: KIẾN THỨC THỰC TIỄN

STT	Họ và lót	Tên	Ngày sinh			Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Trường	Điểm	Hạng	Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm								
1	Dương Thị Vinh	An	14	1	2001	TP.HCM	Nữ	Kinh	9A1	THCS Nguyễn Bình Khiêm	12.75	1	
2	Nguyễn Ngọc Gia	Bảo	6	2	2001	TP.HCM	Nam	Kinh	9A5	THCS Nguyễn Văn Quý	11.5	3	
3	Hồ Minh	Dương	27	1	2001	TP.HCM	Nam	Kinh	9A5	THCS Nguyễn Văn Quý	10	9	
4	Hình Thị Anh	Đào	26	12	2001	Bến Tre	Nam	Kinh	9A1	THCS Nguyễn Bình Khiêm	10.5	8	
5	Trần Minh	Hiếu	16	2	2001	TPHCM	Nam	Kinh	9A1	THCS Nguyễn Bình Khiêm	11.5	3	
6	Trần Trung	Hiếu	4	9	2001	HẢI PHÒNG	Nam	Kinh	9A4	THCS Lê Văn Hưu	11.375	5	
7	Đặng Đình Bích	Ngân	22	1	2001	TP. HCM	Nữ	Kinh	9A1	THCS Hai Bà Trưng	10	9	
8	Phạm Ngọc Thu	Ngân	8	1	2001	TP.HCM	Nữ	Kinh	9A1	THCS Lê Văn Hưu	11.625	2	
9	Nguyễn Lê Tiến	Phát	15	10	2001	TP.HCM	Nam	Kinh	9A1	THCS Lê Văn Hưu	10.625	7	
10	Lê Mai Nguyên	Thảo	11	12	2001	TP.HCM	Nữ	Kinh	9A1	THCS Nguyễn Bình Khiêm	11.25	6	
11	Mai Phúc	Thịnh	7	4	2001	Vũng Tàu	Nam	Kinh		Nguyễn Văn Quý	10	9	

Danh sách có 11 học sinh.



Lê Thị Oanh